TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 04-3-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.

2. Ông Nguyễn Hoàng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hoàng Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1284/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Triều T, cư trú tại: Số nhà X, đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Quang V, cư trú tại: Số nhà X, đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Triều T trình bày:

Chị và anh Bùi Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02-8-2010 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại số nhà X, đường T, thành phố Q. Trong thời gian chung

sống, vợ chồng chị thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Anh V chơi cá độ đá bóng, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V không dứt bỏ. Đỉnh điểm là tháng 7-2017 có một số người đến nhà đòi nợ làm ảnh hưởng đến uy tín của chị và sự an toàn của mẹ con chị. Sau đó, chị đã đứng ra trả dứt nợ cho anh V và anh V hứa sẽ không tái phạm; nhưng đến tháng 10-2018, anh V lại tiếp tục cá độ bóng đá và thua nợ. Chị đã hoàn toàn mất niềm tin vào anh V, tình cảm vợ chồng cũng đã không còn. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Bảo N (sinh ngày 14-8-2011) và Bùi Bảo N1 (sinh ngày 27-01-2015), sức khỏe bình thường, đang ở với cha mẹ. Khi ly hôn, chị xin nuôi 02 con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, không có mang thai.

Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có khoản nợ chung nào.

* Bị đơn anh Bùi Quang V đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngoài trụ sở Tòa án ngày 11 tháng 01 năm 2019, anh V trình bày: Anh thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày. Anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn rất thương vợ thương con, không muốn gia đình đổ vỡ. Nếu ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết mà vợ chồng anh tự thỏa thuận với nhau.

* Ý kiến của cháu Bùi Bảo N: Nếu cha mẹ ly hôn thì cháu muốn ở với mẹ.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho ly hôn, giao 02 con chung cho chị T nuôi, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Võ Thị Triều T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Bùi Quang V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Chị Võ Thị Triều T vắng

mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Võ Thị Triều T và anh Bùi Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Q vào ngày 02-8-2010, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp.

[4] Theo lời khai của các đương sự và Biên bản xác minh tại địa phương ngày 11-01-2019, trong thời gian chung sống, anh V đã nhiều lần tham gia cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần, chủ nợ kéo đến nhà đòi nợ làm ảnh hưởng đến uy tín và sự an toàn của mẹ con chị T, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống vợ chồng và việc quản lý, giáo dục các con. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh V vẫn không dứt bỏ và vì không thể tiếp tục chịu đựng nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận giải quyết cho chị T và anh V được ly hôn.

[5] Chị T và anh V có 02 con chung là Bùi Bảo N (sinh ngày 14-8-2011) và Bùi Bảo N1 (sinh ngày 27-01-2015), sức khỏe bình thường, đang ở với cha mẹ. Chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, phù hợp với nguyện vọng của cháu N và ý kiến trình bày của anh V. Theo Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận giao 02 con chung cho chị T nuôi và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Triều T và anh Bùi Quang V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Võ Thị Triều T và anh Bùi Quang V có 02 con chung là Bùi Bảo N (sinh ngày 14-8-2011) và Bùi Bảo N1 (sinh ngày 27-01-2015), hiện tại đang ở với cha mẹ.

2.2. Giao cháu N và cháu N1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Triều T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000771 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. B, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Trần Duyên Anh